

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1093/2019/HC-PT**

Ngày: 25-11-2019

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực thu thuế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Thanh

Các Thẩm phán : Bà Huỳnh Thụy Xuân Vinh

: Ông Đào Hồng Cảnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Hương.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 51/2019/TLST-HC ngày 16 tháng 8 năm 2019 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực thu thuế”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1009/2019/HC-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4222/2019/QĐXXPT-HC ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Phạm Thị Bích H** và ông **Nguyễn Phú N**

Địa chỉ: 216 Lô A, C, PH D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Thế H**.

Địa chỉ: 113 Lô S, C, PH D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: **Chi cục thuế quận E**

Địa chỉ: 368 B, PH D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông **Trần Minh N** - Phó Chi cục trưởng Chi cục thuế quận E.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh nhà P**

Địa chỉ: 617 - 621 Đ, PH H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức C.

Địa chỉ: 617 - 621 Đ, PH H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Phạm Thế H có mặt, ông Trần Minh N có mặt, ông Nguyễn Đức C có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2017 và các lời khai, đôi thoại của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện ông Phạm Thế H trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ngày 27/5/2008, bà H và chồng là ông Nguyễn Phú N có ký Hợp đồng số 151/208 HĐTT-13M6 Ha với Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh nhà P, nhận chuyển nhượng 01 nền đất số J36, Bklok J, thuộc khu dự án nhà ở 13.6 Ha tại PH 13, quận E.

Theo ông bà thì: Trước và sau thời điểm ký kết bà và chồng bà không có bất kỳ nhà đất nào đứng tên sở hữu và có làm cam kết nhưng Chi cục thuế quận E vẫn buộc bà và chồng bà phải đóng thuế thu nhập cá nhân là 42.000.0000 đồng theo Thông báo số H20162341/TB-CCT-TBA ngày 04/4/2016. Bà và chồng bà đã nộp đủ số tiền là 42.000.0000 (*Bốn mươi hai triệu*) đồng thuế nói trên.

Nay ông N và bà H khiếu kiện yêu cầu: Buộc Chi cục thuế quận E phải thoái trả số tiền, đồng thời yêu cầu bồi th thiệt hại tạm tính khi khởi kiện là 420.000 (*Bốn trăm hai mươi nghìn*) đồng và công khai xin lỗi.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chi cục Trưởng Chi cục thuế quận E - ông Trần Minh N trình bày:

Ngày 04/4/2016, Chi cục Thuế quận E phát hành Thông báo thuế thu nhập cá nhân số H20162341/TB-CCT-TBA ngày 04/4/2016 đối với ông Nguyễn Phú N và bà Phạm Thị Bích H với số tiền là 42.000.0000 (*Bốn mươi hai triệu*) đồng đối với việc chuyển nhượng bất động sản tọa lạc tại số J36, Bklok J, thuộc khu dự án nhà ở 13.6 Ha tại PH 13, quận E, theo văn bản chuyển nhượng Hợp đồng thỏa thuận mua bán nhà và nền đất số 6795 ngày 15/3/2016.

Bà H đã ký nhận thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân do cơ quan thuế phát hành ngày 04/4/2016 và nộp tiền tại kho bạc nhà nước quận E .

Ngày 06/10/2016, bà H gửi đơn khiếu nại về hành vi thu thuế thu nhập cá nhân không đúng.

Ngày 11/10/2016, Chi cục Thuế E có thông báo về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà H do đã hết thời hiệu khiếu nại theo quy định tại Điều 9 Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011, đồng thời nêu rõ sẽ xem xét và trả lời cho bà H được rõ về nội dung khiếu nại, thắc mắc của bà H.

Ngày 20/10/2016, Chi cục thuế có Công văn số 19820/CCT-LPTB, về việc trả lời đơn, theo đó giải thích cho bà H được rõ trường hợp của bà không được miễn thuế thu nhập cá nhân.

Theo Quy định tại Khoản 2, Điều 4 Nghị định 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân. Trường hợp của bà H, ông N khi sang nhượng nền đất số J36, Bklok J, thuộc khu dự án nhà ở 13.6 ha tại PH 13, quận E chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng đất ở nên không đủ điều kiện miễn thuế thu nhập cá nhân theo khoản 2 Điều 4 Nghị định 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định.

Vì vậy, Chi cục thuế quận E vẫn bảo lưu giữ nguyên Thông báo số H20162341/TB-CCT-TBA ngày 04/4/2016. Yêu cầu Tòa án bác đơn khiếu kiện của người khởi kiện.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan công ty Cổ phần Kinh doanh nhà P trình bày:

Ngày 27/5/2008, Công ty cổ phần Kinh doanh nhà P ký Hợp đồng thỏa thuận mua bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 151/2008/HĐTT-136 Ha. Theo đó, Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà P chuyển nhượng 200m² quyền sử dụng đất và nhà, sẽ thỏa thuận cụ thể tại phụ lục Hợp đồng, đính kèm thiết kế và dự toán cho bà Phạm Thị Bích H tại J36, Bklok J, thuộc khu dự án nhà ở 13.6 Ha tại PH 13, quận E.

Ngày 15/3/2016, bà Phạm Thị Bích H đã chuyển nhượng Hợp đồng thỏa thuận mua bán và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phạm Đình Tường, bà Trần Thị Liên, công chứng tại Văn phòng công chứng Hoàng Xuân.

Ngày 07/3/2016, Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà P có giấy xác nhận của chủ đầu tư việc chuyển nhượng Hợp đồng thỏa thuận mua bán nhà và quyền sử dụng đất số 151/2008/HĐTT- 136 Ha.

Việc ký kết hợp đồng mua bán nhà sang nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên là theo Luật kinh doanh bất động sản, trách nhiệm của công ty đã hoàn thành, vì vậy trách nhiệm nộp thuế thu nhập cá nhân là của bà H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1009/2019/HC-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận E đã tuyên xử:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 31; Điều 38; Khoản 1 Điều 115, Điểm a Khoản 2 Điều 116; Điều 146; Điều 157; Điều 193; Điều 204; Điều 206; Điều 211; Điều 213 của Luật Tổ tụng hành chính;
- Căn cứ Điều 105, Điều 106 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Luật đất đai;
- Căn cứ Luật khiếu nại;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khiến kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực thu thuế của bà Phạm Thị Bích H, ông Nguyễn Phú N đối với Chi cục Thuế quận E.

Đình chỉ yêu cầu của người khởi kiện về: Yêu cầu tính lãi đối với số tiền nộp thuế là 420.000 (*Bốn trăm hai mươi nghìn*) đồng; Yêu cầu Chi cục thuế quận E xin lỗi công khai.

Án phí hành chính sơ thẩm: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng bà H, ông N phải nộp. Được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0002251 ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận E.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm bà Phạm Thị Bích H và ông Nguyễn Phú N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận E.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Tòa án nhân dân buộc Chi cục thuế quận E thoái trả số tiền 42.000.000 (*Bốn mươi hai triệu*) đồng đã thu thuế.

Vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu bồi tH thiệt hại do việc thu thuế thu nhập cá nhân trái pháp luật, số tiền là 420.000 (*Bốn trăm hai mươi nghìn*) đồng và công khai xin lỗi.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày: Giữ nguyên Thông báo số H20162341/TB-CCT-TBA ngày 04/4/2016. Yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Về thủ tục: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật từ khi thụ lý và tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử tiến hành đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật về thời gian, địa điểm xét xử, thành phần Hội đồng xét xử và các thủ tục tố tụng tại phiên tòa. Về việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về thủ tục kháng cáo của người khởi kiện: Người khởi kiện có mặt khi xét xử nhưng vắng mặt lúc tuyên án không có lý do chính đáng, nên đề nghị cho tiến hành xem xét giải quyết việc kháng cáo trễ hạn, sau đó giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Bích H và ông Nguyễn Phú N gửi đến tòa trong thời hạn luật định nên hợp lệ, tuy khi xét xử người khởi kiện có mặt, khi tuyên án vắng mặt, nhưng xét thấy việc vắng mặt của người khởi kiện là có lý do chính đáng như biên bản được lập ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân quận E nên đơn kháng cáo của người khởi kiện ngày 12/7/2019 là trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (ngày người khởi kiện nhận bản án là ngày 15/7/2019).

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà H và ông N. Hội đồng xét xử xét thấy:

Qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm và tại phiên tòa người kháng cáo không còn giao nộp thêm chứng cứ tài liệu gì nên Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chi cục thuế quận E ban hành Thông báo thuế thu nhập cá nhân số H20162341/TB-CCT-

TBA ngày 04/4/2016 đối với ông Nguyễn Phú N và bà Phạm Thị Bích H với số tiền là 42.000.0000 (*Bốn mươi hai triệu*) đồng do việc chuyển nhượng bất động sản tọa lạc tại số J36, Bklok J, thuộc khu dự án nhà ở 13.6 Ha tại PH 13, quận E, theo văn bản chuyển nhượng Hợp đồng thỏa thuận mua bán nhà và nền đất số 6795 ngày 15/3/2016 là đúng pháp luật, do đó không làm phát sinh việc thoái trả tiền cho bà H và ông N.

Mặc dù, người khởi kiện chỉ yêu cầu Chi cục thuế quận E thực hiện hành vi thoái trả số tiền mà mình đã nộp, không yêu cầu xem xét Thông báo số H20162341/TB-CCT-TBA ngày 04/4/2016 của Chi cục thuế quận E, nhưng cấp sơ thẩm cũng đã xem xét, đánh giá tính hợp pháp của thông báo nói trên và Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc xem xét, đánh giá của Tòa cấp sơ thẩm là có cơ sở, đúng pháp luật, cụ thể: Việc người khởi kiện - người kháng cáo cho rằng ông N, bà H không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập cá nhân vì hai ông bà chuyển nhượng nhà, đất nói trên thì thời điểm này ông bà không sở hữu nhà và quyền sử dụng đất nào khác. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm, cũng như Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 4 Nghị định 65/2013/NĐ-CP ngày 15/8/2013 thì ông bà chưa hội đủ điều kiện để được miễn thuế vì - để miễn thuế thu nhập cá nhân trong trường hợp này thì: *“Cá nhân chuyển nhượng có duy nhất một nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam theo quy định tại Khoản này phải đáp ứng các điều kiện sau:*

a) Tại thời điểm chuyển nhượng, cá nhân chỉ có quyền sở hữu, quyền sử dụng một nhà ở hoặc một thửa đất ở (bao gồm cả trường hợp có nhà ở hoặc công trình xây dựng gắn liền với thửa đất đó);

b) Thời gian cá nhân có quyền sở hữu, quyền sử dụng nhà ở, đất ở tính đến thời điểm chuyển nhượng tối thiểu là 183 ngày;

c) Nhà ở, quyền sử dụng đất ở được chuyển nhượng toàn bộ;

Việc xác định quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở. Cá nhân có nhà ở, đất ở chuyển nhượng có trách nhiệm kê khai và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của việc kê khai. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát hiện kê khai sai thì không được miễn thuế và bị xử lý theo quy định của pháp luật”.

Như vậy, nhà và đất của hai ông bà chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp nên không thể nói rằng ông bà có duy nhất một nhà và đất như nói trên. Do đó, Chi cục Thuế quận E phát hành Thông báo thuế thu nhập cá nhân số H20162341/TB-CCT-TBA ngày 04/4/2016 đối với ông Nguyễn Phú N và bà

Phạm Thị Bích H với số tiền là 42.000.0000 (*Bốn mươi hai triệu*) đồng đổi với việc chuyển nhượng bất động sản tọa lạc tại số J36, Bklok J, thuộc khu dự án nhà ở 13.6 Ha tại PH 13, quận E, theo văn bản chuyển nhượng Hợp đồng thỏa thuận mua bán nhà và nền đất số 6795 ngày 15/3/2016 là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện người khởi kiện cho rằng Chi cục thuế quận E đã áp dụng pháp luật không chính xác, nhưng như phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm đánh giá này của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện.

Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cho rằng bà H và ông N chưa có (chậm có) giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở không do lỗi của ông N và bà H mà lỗi này thuộc về Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà P. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy ý kiến này không thuộc phạm vi giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét tại vụ án này.

Về yêu cầu bồi thường và công khai xin lỗi: Do người khởi kiện vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

Xét ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Người khởi kiện có mặt khi xét xử, vắng mặt lúc tuyên án nhưng không có lý do chính đáng, nên đề nghị cho tiến hành xem xét việc kháng cáo trễ hạn, sau đó giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị này Hội đồng xét xử thấy: Tuy người khởi kiện không có mặt khi tuyên án, nhưng xét sự vắng mặt này là có lý do chính đáng (như nội dung biên bản được lập về sự vắng mặt ngày 15/7/2019 của tòa án cấp sơ thẩm). Do đó Hội đồng xét xử thấy việc vắng mặt của người khởi kiện khi tuyên án là có lý do chính đáng nên thời hạn kháng cáo của họ được tính từ ngày họ nhận được bản án (người khởi kiện nhận được bản án ngày 15/7/2019). Đồng thời, bản án sơ thẩm có tuyên: “*Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án*”.

Do đó căn cứ Khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử xét việc kháng cáo của người khởi kiện là hợp lệ.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà H, ông N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 206, Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Luật thuế thu nhập cá nhân năm 2007;

- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân năm 2012;

- Căn cứ Nghị định 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008,

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Phạm Thị Bích H và ông Nguyễn Phú N, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1009/2019/HC-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân quận E.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích H và ông Nguyễn Phú N yêu cầu: Chi cục thuế quận E thoái trả số tiền 42.000.000 (*Bốn mươi hai triệu*) đồng đã thu thuế.

Đình chỉ yêu cầu của người khởi kiện: Yêu cầu bồi tH số tiền lãi là 420.000 (*Bốn trăm hai mươi nghìn*) đồng và yêu cầu Chi cục thuế E công khai xin lỗi.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng bà Phạm Thị Bích H và ông Nguyễn Phú N phải nộp, được trừ vào số tiền bà H và ông N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0002251 ngày 15/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận E.

Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Phạm Thị Bích H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai số AA/2018/0021317 của Chi cục thi hành án dân sự quận E; Ông Nguyễn Phú N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai số AA/2018/0021318 của Chi cục thi hành án dân sự quận E; Bà H và ông N đã

nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND quận E;
- Chi cục THADS quận E;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hữu Thanh